

| TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN<br>PHÒNG ĐÀO TẠO                                                  |           |                       |            |         |     |            |                   | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc |    |                |         |                |         |            |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------|---------|-----|------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------|----|----------------|---------|----------------|---------|------------|---------|
| BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC<br>(Đối với các môn cơ sở và môn chuyên ngành)<br>Môn: ĐIỀU DƯỠNG CƠ SỞ 1 |           |                       |            |         |     |            |                   |                                                                   |    |                |         |                |         |            |         |
| TT                                                                                                   | Mã SV     | HỌ VÀ TÊN             | Ngày sinh  | Điểm QT |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi                                                          |    | Điểm TBM Lần 1 |         | Điểm TBM Lần 2 |         | Điểm TB TK | Kết quả |
|                                                                                                      |           |                       |            | HS1     | HS2 |            |                   | L1                                                                | L2 | TB Môn         | KQ1     | TB Môn         | KQ2     |            |         |
|                                                                                                      |           |                       |            |         |     | 4.0        |                   |                                                                   |    |                |         |                |         |            |         |
| 1                                                                                                    | 217020166 | Trần Minh Anh         | 3/13/1999  | 8       | 9   | 8.67       |                   | 9                                                                 |    | 8.9            | Đạt     |                |         | 8.9        | Đạt     |
| 2                                                                                                    | 217020123 | Ngô Phạm Phương Bình  | 11/27/1993 |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 3                                                                                                    | 217020062 | Đoàn Thị Thùy Dương   | 5/17/1999  |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 4                                                                                                    | 217020098 | Trần Quốc Duy         | 8/28/1996  | 7       | 7   | 7.00       |                   | 5                                                                 |    | 5.8            | Đạt     |                |         | 5.8        | Đạt     |
| 5                                                                                                    | 217020118 | Vũ Thị Hà             | 8/20/1999  |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 6                                                                                                    | 217020248 | Lưu Nguyễn Thu Duyên  | 7/16/1999  | 5       | 8   | 7.00       |                   | 0                                                                 |    | 2.8            | Thi lại | 2.8            | Học Lại | 2.8        | Học Lại |
| 7                                                                                                    | 217020037 | Vũ Khánh Linh         | 10/29/1996 |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 8                                                                                                    | 217020161 | Cao Minh Mẫn          | 6/23/1998  |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 9                                                                                                    | 217020091 | Đặng Hoàn Mỹ          | 5/25/1999  | 7       | 7   | 7.00       |                   | 7                                                                 |    | 7.0            | Đạt     |                |         | 7.0        | Đạt     |
| 10                                                                                                   | 217020939 | Nguyễn Thị Thảo Ngân  | 8/22/1998  | 7       | 7   | 7.00       |                   | 7                                                                 |    | 7.0            | Đạt     |                |         | 7.0        | Đạt     |
| 11                                                                                                   | 217020126 | Huỳnh Thị Hồng Thắm   | 8/3/1999   | 5       | 8   | 7.00       |                   | 7                                                                 |    | 7.0            | Đạt     |                |         | 7.0        | Đạt     |
| 12                                                                                                   | 217020079 | Nguyễn Ngọc Bích Thảo | 10/19/1997 | 9       | 9   | 9.00       |                   | 9                                                                 |    | 9.0            | Đạt     |                |         | 9.0        | Đạt     |
| 13                                                                                                   | 217020268 | Phạm Thảo Trâm        | 11/5/1999  | 7       | 5   | 5.67       |                   | 7                                                                 |    | 6.5            | Đạt     |                |         | 6.5        | Đạt     |
| 14                                                                                                   | 217020149 | Trương Anh Thư        | 9/8/1998   |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 15                                                                                                   | 217020084 | Nguyễn Thị Ngọc Trúc  | 9/27/1999  |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 16                                                                                                   | 217020069 | Võ Thị Tường Vy       | 8/22/1999  |         |     | 0.00       | TBKT              |                                                                   |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 17                                                                                                   | 217030039 | Trần Thành Đạt        | 4/7/2002   | 7       | 7   | 7.00       |                   | 7                                                                 |    | 7.0            | Đạt     |                |         | 7.0        | Đạt     |
| 18                                                                                                   | 217030032 | Trương Vân Hà         | 8/23/2001  | 8       | 5   | 6.00       |                   | 5                                                                 |    | 5.4            | Đạt     |                |         | 5.4        | Đạt     |
| 19                                                                                                   | 217030030 | Nguyễn Vũ Hiền        | 8/30/2002  | 7       | 5   | 5.67       |                   | 7                                                                 |    | 6.5            | Đạt     |                |         | 6.5        | Đạt     |
| 20                                                                                                   | 217030037 | Nguyễn Khôi           | 10/14/2002 | 7       | 6   | 6.33       |                   | 7                                                                 |    | 6.7            | Đạt     |                |         | 6.7        | Đạt     |
| 21                                                                                                   | 217030047 | Huỳnh Trần Kim Khương | 10/20/2000 | 5       | 6   | 5.67       |                   | 4                                                                 |    | 4.7            | Đạt     |                |         | 4.7        | Đạt     |

| TT | Mã SV     | HỌ VÀ TÊN              | Ngày sinh  | Điểm QT |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi |    | Điểm TBM Lần 1 |         | Điểm TBM Lần 2 |         | Điểm TB TK | Kết quả |
|----|-----------|------------------------|------------|---------|-----|------------|-------------------|----------|----|----------------|---------|----------------|---------|------------|---------|
|    |           |                        |            | HS1     | HS2 |            |                   | L1       | L2 |                |         |                |         |            |         |
|    |           |                        |            |         |     | 4.0        |                   |          |    | 6.0            | 6.0     | TB Môn         | KQ1     |            |         |
| 22 | 217030112 | Nguyễn Hoàng Lâm       | 6/3/1996   | 6       | 7   | 6.67       |                   | 7        |    | 6.9            | Đạt     |                |         | 6.9        | Đạt     |
| 23 | 217030101 | Trần Đặng BẢO Ngọc     | 2/17/2002  | 6       | 8   | 7.33       |                   | 7        |    | 7.1            | Đạt     |                |         | 7.1        | Đạt     |
| 24 | 217030046 | Nguyễn Minh Quế        | 7/23/2002  | 6       | 7   | 6.67       |                   | 7        |    | 6.9            | Đạt     |                |         | 6.9        | Đạt     |
| 25 | 217030083 | Trần Bá Tâm            | 8/30/1999  | 5       | 6   | 5.67       |                   | 6        |    | 5.9            | Đạt     |                |         | 5.9        | Đạt     |
| 26 | 215030038 | Nguyễn Thành CÁT Tường | 3/8/2000   |         |     | 0.00       | TBKT              |          |    | 0.0            | Thi lại | 0.0            | Học Lại | 0.0        | Học Lại |
| 27 | 217030072 | Lê Minh Triết          | 36803      | 6       | 6   | 6.00       |                   | 7        |    | 6.6            | Đạt     |                |         | 6.6        | Đạt     |
| 28 | 217030023 | Phan Ánh Tuyết         | 21/05/2002 | 6       | 6   | 6.00       |                   | 7        |    | 6.6            | Đạt     |                |         | 6.6        | Đạt     |
| 29 | 217030041 | Nguyễn Thị Thuý Vy     | 22/12/2001 | 7       | 6   | 6.33       |                   | 8        |    | 7.3            | Đạt     |                |         | 7.3        | Đạt     |
| 30 | 216030006 | Lê Thị Trà Giang       | 27.08.2001 | 8       | 6   | 6.67       |                   | 7        |    | 6.9            | Đạt     |                |         | 6.9        | Đạt     |
| 31 | 216030031 | Hồ Bảo Hân             | 04.12.2000 | 5       | 6   | 5.67       |                   | 8        |    | 7.1            | Đạt     |                |         | 7.1        | Đạt     |
| 32 | 216030109 | Trịnh Xuân Nam         | 24.04.2000 | 3       | 0   | 1.00       | TBKT              |          |    | 0.4            | Thi lại | 0.4            | Học Lại | 0.4        | Học Lại |
| 33 | 216030066 | Nguyễn Nhật Hoàng      | 18.03.2000 | 5       | 6   | 5.67       |                   | 7        |    | 6.5            | Đạt     |                |         | 6.5        | Đạt     |